

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu:

- Tên dự án: Duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2025, tỉnh Thái Nguyên.
- Tên gói thầu: Gói thầu số 06: Tu sửa cống dưới đê; Sửa chữa, phát quang mái, chân đê, kè; Sửa chữa, gia cố mặt đê, mái đê bị hư hỏng; Tu sửa kè; Xử lý mối và ản họa thân đê; Bỏ sung, sửa chữa công trình phục vụ việc quản lý, bảo vệ đê điều; Sửa chữa, gia cố các dốc lên xuống đê; Mua bỏ sung vật tư dự trữ phòng chống lụt bão.
- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.
- Địa điểm xây dựng: Xã Diềm Thụy và các phường Vạn Xuân, Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên.
- Loại, cấp công trình: Công trình đê điều, cấp III.
- Quy mô công trình: Theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

Phạm vi công việc của gói thầu: Thi công xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

2. Thời hạn hoàn thành: Thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành công trình không quá: 120 ngày (Từ ngày hợp đồng có hiệu lực và hoàn thành trước ngày 31/12/2025).

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Nêu yêu cầu về thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

| STT | Hạng mục công trình | Ngày bắt đầu | Ngày hoàn thành |
|-----|---------------------|---------------------------------|-----------------------------------|
| 1 | Toàn bộ gói thầu | Ngày bàn giao mặt bằng thi công | Hoàn thành trước ngày 31/12/2025. |

III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu công trình;

| Ký hiệu tiêu chuẩn | Tên tiêu chuẩn |
|--------------------------------------|--|
| THI CÔNG & NGHIỆM THU | |
| Các vấn đề chung | |
| TCVN 4055:2012 | Công trình xây dựng - Tổ chức thi công |
| TCVN 4056:2012 | Hệ thống bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa máy xây dựng. Thuật ngữ - Định nghĩa |
| TCVN 4087:2012 | Sử dụng máy xây dựng . Yêu cầu chung |
| TCVN 4252:2012 | Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế tổ chức thi công |
| TCVN 4473:2012 | Máy xây dựng - Máy làm đất - Thuật ngữ và định nghĩa |
| TCVN 4517:1988 | Hệ thống bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa máy xây dựng. Quy phạm nhận và giao máy xây dựng trong sửa chữa lớn. Yêu cầu chung |
| TCVN 5637:1991 | Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng. Nguyên tắc cơ bản |
| TCVN 5638:1991 | Đánh giá chất lượng xây lắp. Nguyên tắc cơ bản |
| TCVN 5640:1991 | Bàn giao công trình xây dựng. Nguyên tắc cơ bản |
| Công tác trắc địa | |
| TCVN 9398:2012 | Công tác trắc địa trong xây dựng công trình . Yêu cầu chung |
| Công tác đất | |
| TCVN 4447:2012 | Công tác đất. Thi công và nghiệm thu |
| TCVN 9361:2012 | Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu |
| Kết cấu gạch đá, vữa xây dựng | |
| TCVN 4085:2011 | Kết cấu gạch đá. Quy phạm thi công và nghiệm thu |
| TCVN 4459:1987 | Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa trong xây dựng |
| Công tác hoàn thiện | |
| TCVN 4516:1988 | Hoàn thiện mặt bằng xây dựng. Quy phạm thi công và nghiệm thu. |
| TCVN 5674:1992 | Công tác hoàn thiện trong xây dựng. Thi công và nghiệm thu. |
| Xây dựng công trình | |
| TCCS 40 : 2022/TCĐBVN | Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông |
| TCVN 13567-1 : 2022 | Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu. Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường |
| TCCS 05: 2012/TCĐBVN | Cầu và cống-Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu |
| TCVN 4453 : 1995 | Tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng từng phần - kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – quy phạm thi công và nghiệm thu |

| | |
|--|--|
| TCVN 9165:2012 | Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật đắp đê |
| TCVN 8644:2011 | Công trình Thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật khoan phụt vữa gia cố đê |
| TCVN 8480:2010 | Công trình đê, đập - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát và xử lý môi gây hại |
| TCVN 8859:2023 | Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường – Thi công và nghiệm thu. |
| TCVN 8864:2011 | Mặt đường ô tô – Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét |
| TCVN 9436:2012 | Nền đường ô tô. Thi công và nghiệm thu |
| AN TOÀN TRONG THI CÔNG XÂY DỰNG | |
| Quy định chung | |
| TCVN 2288:1978 | Các yếu tố nguy hiểm và có hại trong sản xuất |
| TCVN 3146:1986 | Công việc hàn điện. Yêu cầu chung về an toàn. |
| TCVN 3147:1990 | Quy phạm an toàn trong Công tác xếp dỡ- Yêu cầu chung |
| TCVN 3153:1979 | Hệ thống tiêu chuẩn an toàn lao động- Các khái niệm cơ bản- Thuật ngữ và định nghĩa |
| TCVN 3254:1989 | An toàn cháy. Yêu cầu chung |
| TCVN 3255:1986 | An toàn nổ. Yêu cầu chung. |
| TCVN 4879:1989 | Phòng cháy. Dấu hiệu an toàn |
| TCVN 5308:1991 | Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng |
| | Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng |
| | Và các quy chuẩn, TCVN, TCN khác theo quy định hiện hành |

2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát;

Nhà thầu phải nêu rõ biện pháp tổ chức thi công và giám sát chất lượng của mình một cách hợp lý khả thi trên cơ sở các tiêu chuẩn tổ chức thi công, giám sát chất lượng theo quy định hiện hành

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị (kèm theo các tiêu chuẩn về phương pháp thử);

| TT | Vật liệu | Tiêu chuẩn áp dụng |
|----|--|----------------------------------|
| 1 | Cốt liệu cho bê tông và vữa | TCVN 7570:2006 TCVN 7572:2006 |
| 2 | Nước trộn bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật | TCVN 4506:2012 |
| 3 | Xi măng Pooc lăng - Yêu cầu kỹ thuật | TCVN 2682:2009 |
| 4 | Xi măng Pooc lăng hỗn hợp - Yêu cầu kỹ thuật | TCVN 6260:2009 |
| 5 | Xi măng xây trát | TCVN 9202:2012 |

| TT | Vật liệu | Tiêu chuẩn áp dụng |
|-----------|--|---------------------------|
| 6 | Gạch không nung | TCVN 6477:2016 |
| 7 | Cốt thép bê tông , thép thanh tròn trơn | TCVN 1651-1:2018 |
| 8 | Thép cốt bê tông, thép thanh vằn | TCVN1651-2:2018 |
| 9 | Hỗn hợp bê tông và bê tông - Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử | TCVN 3105:2022 |
| 10 | Và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác theo quy định hiện hành | |

Chủng loại vật tư vật liệu.

| TT | Tên vật tư, thiết bị | Nguồn gốc xuất xứ | Đặc tính kỹ thuật |
|-----------|-----------------------------|--|---|
| 1 | Xi măng | Quang Sơn, La Hiên, (hoặc tương đương) | Xi măng Portland PCB30, PCB40 TW sản xuất theo công nghệ lò quay - TCVN 2682:2020. |
| 2 | Cát đen | Các đại lý tại địa phương, Góc Vôi, Hồ Núi Cốc, Đa Phúc (hoặc tương đương) | Không lẫn tạp chất, TCVN 7570 : 2006 |
| 3 | Cát vàng | Các đại lý tại địa phương, Hồ núi Cốc, Góc Vôi, Đa Phúc (hoặc tương đương) | Không lẫn tạp chất, TCVN 7570 : 2006 |
| 4 | Đá dăm bê tông | Mỏ đá Núi Chuông, Quang Sơn (hoặc tương đương) | Không lẫn tạp chất, TCVN 7570 : 2006 |
| 5 | Cấp phối đá dăm | Mỏ đá Núi Chuông, Quang Sơn (hoặc tương đương) | TCVN 8859:2023 |
| 6 | Vữa xây dựng | | Tuân theo tiêu chuẩn TCVN 4314: 2003 |
| 7 | Bê tông | | Đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo yêu cầu thiết kế về thành phần cấp phối, cường độ... |
| 8 | Nước cho bê tông và vữa | | Tuân theo tiêu chuẩn TCVN 4506:2012. |
| 9 | Thép cốt bê tông | Thép TISCO Thái Nguyên, Việt ý (hoặc tương đương) | Tuân theo tiêu chuẩn TCVN 1651-1 ; TCVN1651-2:2018, cường độ theo yêu cầu thiết kế. |

| TT | Tên vật tư, thiết bị | Nguồn gốc xuất xứ | Đặc tính kỹ thuật |
|----|-----------------------|--|---|
| 10 | Thép cac-bon cán nóng | Thép TISCO Thái Nguyên, Việt - SING (hoặc tương đương) | Tuân theo tiêu chuẩn TCVN 5709: 1993, cường độ theo yêu cầu thiết kế. |
| 11 | Đá hộc | Mỏ đá Núi Chuông, Quang Sơn (hoặc tương đương) | |
| 12 | Nhựa đường | Nhựa I Ran, Singgapo | TCVN 7493:2005 |
| 13 | Bê tông nhựa nóng | | TCVN 13567-1 : 2022 |

Bất kỳ thương hiệu, hãng sản xuất, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chỉ là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có đầy đủ nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "cao hơn" so với các yêu cầu tối thiểu tại Bảng yêu cầu kỹ thuật nêu trên).

4. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt;

Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công tổng thể và chi tiết các hạng mục hợp lý nhất trên cơ sở hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được duyệt và nghiên cứu điều tra mặt bằng thi công của nhà thầu.

5. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn:

Yêu cầu nhà thầu thi công theo đúng các quy định hiện hành. Nhà thầu phải nêu các biện pháp tiến hành thí nghiệm hoặc vận hành thử nghiệm để kiểm tra xem bộ phận công trình nào có khuyết tật và đảm bảo độ an toàn

6. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có):

Nhà thầu phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về phòng chống cháy nổ.

Yêu cầu đơn vị nhà thầu có chứa các kho vật tư nhất là các vận dụng dễ cháy thì yêu cầu phải có biển báo cấm lửa, có thiết bị cứu hỏa đặt đúng nơi quy định.

Thực hiện nghiêm chỉnh nội quy các biện pháp chống cháy nổ luôn nhắc nhở cán bộ công nhân viên phải chấp hành nghiêm túc.

Đường vào nhà ở, kho, bãi làm đúng quy định dễ dàng thuận tiện trong đi lại và xử lý khi có sự cố xảy ra để giảm đến mức thấp nhất những thiệt hại do sự cố cháy nổ gây ra.

7. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

Nhà thầu phải tuân thủ về quản lý môi trường xây dựng. Cụ thể như sau:

- Phải thực hiện các biện pháp đảm bảo về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến nơi quy định.

- Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.

- Có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi

trường. Trường hợp nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền đình chỉ thi công xây dựng và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp về bảo vệ môi trường.

- Người để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường do lỗi của mình gây ra.

8. Yêu cầu về an toàn lao động:

a) Triển khai thực hiện kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình đã được chủ đầu tư chấp thuận; phối hợp với các bên liên quan thường xuyên rà soát kế hoạch tổng hợp về an toàn, biện pháp đảm bảo an toàn và đề xuất điều chỉnh kịp thời, phù hợp với thực tế thi công xây dựng;

b) Hướng dẫn người lao động nhận diện các yếu tố nguy hiểm có thể xảy ra tai nạn và các biện pháp ngăn ngừa tai nạn trên công trường; yêu cầu người lao động sử dụng đúng và đủ dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân trong quá trình làm việc; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động của người lao động; quản lý số lượng người lao động làm việc trên công trường;

c) Khi phát hiện vi phạm các quy định về quản lý an toàn lao động hoặc các nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động phải có biện pháp xử lý, chấn chỉnh kịp thời; quyết định việc tạm dừng thi công xây dựng đối với công việc có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động; đình chỉ tham gia lao động đối với người lao động không tuân thủ biện pháp kỹ thuật an toàn hoặc vi phạm các quy định về sử dụng dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân trong thi công xây dựng và báo cáo cho chỉ huy trưởng công trường hoặc giám đốc dự án.

9. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:

Nhà thầu phải có biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công theo đúng yêu cầu trong E-HSMT, phù hợp với tiến độ thi công và biện pháp thi công.

10. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục:

Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công tổng thể và chi tiết các hạng mục hợp lý nhất trên cơ sở hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được duyệt và nghiên cứu điều tra mặt bằng thi công của nhà thầu

11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:

Nhà thầu phải tuân thủ điều 13 Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

11.1. Tiếp nhận và quản lý mặt bằng xây dựng, bảo quản mốc định vị và mốc giới công trình, quản lý công trường xây dựng theo quy định.

11.2. Lập và thông báo cho chủ đầu tư và các chủ thể có liên quan về hệ thống quản lý thi công xây dựng của nhà thầu. Hệ thống quản lý thi công xây dựng phải phù hợp với quy mô, tính chất của công trình, trong đó nêu rõ sơ đồ tổ chức và trách nhiệm của từng cá nhân đối với công tác quản lý thi công xây dựng, bao gồm: chỉ huy trưởng công trường của nhà thầu; các cá nhân phụ trách kỹ thuật thi công trực tiếp và thực hiện công tác quản lý chất lượng, an toàn trong thi công

xây dựng, quản lý khối lượng, tiến độ thi công xây dựng, quản lý hồ sơ thi công xây dựng công trình.

11.3. Trình chủ đầu tư chấp thuận các nội dung sau:

a) Kế hoạch tổ chức thí nghiệm, kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm, chạy thử, quan trắc, đo đạc các thông số kỹ thuật của công trình theo yêu cầu thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật;

b) Biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình; biện pháp thi công;

c) Tiến độ thi công xây dựng công trình;

d) Kế hoạch kiểm tra, nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận (hạng mục) công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;

đ) Kế hoạch tổng hợp về an toàn theo các nội dung quy định tại Phụ lục III Nghị định số 06/2021/NĐ-CP; các biện pháp đảm bảo an toàn chi tiết đối với những công việc có nguy cơ mất an toàn lao động cao đã được xác định trong kế hoạch tổng hợp về an toàn;

e) Các nội dung cần thiết khác theo yêu cầu của chủ đầu tư và quy định của hợp đồng xây dựng.

11.4. Xác định vùng nguy hiểm trong thi công xây dựng công trình.

11.5. Bố trí nhân lực, thiết bị thi công theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan. Tổ chức thực hiện kế hoạch tổng hợp về an toàn lao động đối với phần việc do mình thực hiện. Người thực hiện công tác quản lý an toàn lao động của nhà thầu thi công xây dựng phải được đào tạo về chuyên ngành an toàn lao động hoặc chuyên ngành kỹ thuật xây dựng và đáp ứng quy định khác của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

11.6. Thực hiện trách nhiệm của bên giao thầu trong việc mua sắm, chế tạo, sản xuất vật liệu, sản phẩm, cấu kiện, thiết bị được sử dụng cho công trình theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và quy định của hợp đồng xây dựng.

11.7. Tổ chức thực hiện các công tác thí nghiệm, kiểm tra, thử nghiệm, kiểm định vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước và trong khi thi công xây dựng theo yêu cầu của thiết kế và quy định của hợp đồng xây dựng. Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của nhà thầu hoặc do nhà thầu thuê theo quy định của hợp đồng xây dựng phải đủ điều kiện năng lực để thực hiện công tác thí nghiệm và phải trực tiếp thực hiện công tác này để đảm bảo kết quả thí nghiệm đánh giá đúng chất lượng của vật liệu, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ được sử dụng cho công trình.

11.8. Thi công xây dựng theo đúng hợp đồng xây dựng, giấy phép xây dựng (nếu có), thiết kế xây dựng công trình. Kịp thời thông báo cho chủ đầu tư nếu phát hiện sai khác giữa hồ sơ thiết kế, hợp đồng xây dựng so với điều kiện thực tế trong quá trình thi công. Kiểm soát chất lượng thi công xây dựng do mình thực hiện theo yêu cầu của thiết kế và quy định của hợp đồng xây dựng. Hồ sơ quản lý chất lượng của các công việc xây dựng phải phù hợp với thời gian thực hiện thực tế tại công trường.

11.9. Dừng thi công xây dựng đối với công việc xây dựng, bộ phận, hạng mục công trình khi phát hiện có sai sót, khiếm khuyết về chất lượng hoặc xảy ra sự cố công trình và khắc phục các sai sót, khiếm khuyết, sự cố này. Dừng thi công xây dựng khi phát hiện nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động và có biện pháp khắc phục để đảm bảo an toàn trước khi tiếp tục thi công; khắc phục hậu quả tai nạn lao động, sự cố gây mất an toàn lao động xảy ra trong quá trình thi công xây dựng công trình.

11.10. Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế. Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra chạy thử đơn động và chạy thử liên động theo kế hoạch trước khi đề nghị nghiệm thu.

11.11. Nhà thầu chính hoặc tổng thầu có trách nhiệm kiểm tra công tác thi công xây dựng đối với các phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

11.12. Sử dụng chi phí về an toàn lao động trong thi công xây dựng đúng mục đích.

11.13. Lập nhật ký thi công xây dựng công trình và bản vẽ hoàn công theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

11.14. Yêu cầu chủ đầu tư tổ chức thực hiện các công tác nghiệm thu theo quy định tại các Điều 21, 22 và 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

11.15. Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường thi công xây dựng theo quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật khác có liên quan hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của chủ đầu tư.

11.16. Hoàn trả mặt bằng, di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và những tài sản khác của mình ra khỏi công trường sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao, trừ trường hợp trong hợp đồng xây dựng có thỏa thuận khác.

11.17. Tổ chức lập và lưu trữ hồ sơ quản lý thi công xây dựng công trình đối với phần việc do mình thực hiện.

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

| STT | Ký hiệu | Tên bản vẽ | Phiên bản/ngày phát hành |
|------------|----------------|-------------------|---------------------------------|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| ... | | | |

Có bản vẽ kèm theo E-HSMT